TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/DS-PT
Ngày 05– 01– 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Huỳnh Văn Út

- *Thư ký phiên tòa*:Bà Ngô Thúy Nguyên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:*Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2020/DS-ST ngày 11tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng11năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Tô Minh T1, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Số C, đường, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C.

2/ Ông Tô Minh C1, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Số A, đường L, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C.

3/ Bà Tô Lệ H1, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số A, đường L, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C.

4/ Bà Tô Lệ H2, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số A, đường L, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Ngô Đình C2, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Số Ư, đường T, khóm E, phường b, thành phố C, tỉnh C(Có mặt).

Bị đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm 1961; Nơi cư trú: đường M, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C(Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phan Thị H3, sinh năm 1944; Nơi cư trú: đường M, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

2/Ông Ngô Văn P, sinh năm 1941; Nơi cư trú: đường M, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

3/Ông Trần Quốc V, sinh năm 1955; Nơi cư trú: đường M, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

4/ Chị Ngô Thị T2, sinh năm 1980; Nơi cư trú: đường M, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C (vắng mặt).

5/ Bà Ngô Thị H4, sinh năm 1963; Nơi cư trú: đường M, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

6/ Chị Trần Mỹ Y, sinh năm 1980; Nơi cư trú: đường M, khóm R, phường Y, thành phố C, tỉnh C (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Phan Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Ngô Đình C2 trình bày: Bà Hà Thị M (chết năm 2011) là mẹ ruột ông Tô Minh T1, ông Tô Minh C1, bà Tô Lê Hoa, bà Tô Lệ H2. Vào năm 1976, bà Mỹ có mua một phần đất trồng lúa của ông Phan Thanh S (Phan Thành S), bà Nguyễn Thị B với diện tích 1,3ha tọa lạc tại xã Tân Xuyên, Quận Quảng Long, tỉnh An Xuyên với giá 600 đồng (nay là khóm 4, Phường 6, thành phố Cà Mau). Bà B đã giao đất cho bà M quản lý cùng với giấy tờ đứng tên chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Quá trình sử dụng đất bà Mỹ đã thực hiện việc đóng thuế đầy đủ. Đến năm 1991, ông S, bà B cất nhà trên phần đất đã bán nên bà M ngăn cản và phát sinh tranh chấp. Ngày 07/8/1991, Ủy ban nhân dân phường 6, thị xã C tiến hành hòa giải. Ông Phan Văn L là con ông S, bà B tham gia thừa nhận chỉ bán cho bà M 05 công đất tầm lớn, không phải bán 1,3ha nên hòa giải không thành. Vụ việc tranh chấp kéo dài đến ngày 09/5/2018 Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố C tiếp tục mời hòa giải nhưng không thành. Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 3.626m^2 tọa lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh C.

*Ông Phan Văn L trình bày:*Năm 1962, cha mẹ ông là Phan Thành S (Phan Thanh S (chết năm 2000) và Nguyễn Thị B (chết năm 2008) khai phá phần đất có tổng diện tích 08 công tầm lớn tọa lạc tại xã Tân Xuyên, Quận Quản Long, tỉnh An Xuyên. Năm 1969, gia đình ông được chế độ củ cấp quyền sở hữu đất do bà Nguyễn Thị B đứng tên. Năm 1977 do gia đình gặp nhiều khó khăn nên chuyển nhượng cho bà Hà Thị M 05 công tầm lớn, đôi bên có làm giấy tay do bà M giữ và đã bàn giao đất cho bà M. Năm 1995, bà Bảy đăng ký mục kê gồm 02 thửa thuộc tờ bản đồ số 04 là thửa số 72, diện tích 933m^2 và thửa số 73 diện tích 3.063m^2. Năm 2015, ông có chuyển nhượng cho ông Trần Quốc V diện tích 120m^2 và chị

Trần Mỹ Y diện tích 200m^2, khi chuyển nhượng chỉ làm giấy tay. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông trả lại đất ông không đồng ý.

Bà Phan Thị H3 trình bày: Cha mẹ bà là ông Phan Thành S (Phan Thanh S) (chết năm 2000), bà Nguyễn Thị B (chết năm 2008). Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con gồm: Phan Văn L, Phan Thị H3 và Phan Xuân T.

Hiện ông T đang ở Mỹ không rõ địa chỉ ở đâu. Năm 1962, cha mẹ bà khai phá tổng diện tích đất là 08 công tầm lớn, tọa lạc tại xã Tân Xuyên, Quận Quản Long, tỉnh An Xuyên. Năm 1969, gia đình bà được chế độ củ cấp quyền sở hữu đất do bà Nguyễn Thị B đứng tên. Năm 1977, do gia đình gặp nhiều khó khăn nên chuyển nhượng cho bà Hà Thị M 05 công tầm lớn, đôi bên có làm giấy tay do bà M giữ và đã bàn giao đất cho bà M. Năm 1995, bà B đã đăng ký mục kê gồm 02 thửa tờ bản đồ số 04, thửa số 72, diện tích 933m^2 và thửa số 73 diện tích 3.063m^2. Năm 1990, bà được cha mẹ cho phần đất ngang 17m, dài hơn 30m nên bà đã cất nhà ổn định cho đến nay. Việc tặng cho quyền sử dụng đất chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Nay nguyên đơn yêu cầu trả đất bà không đồng ý.

*Ông Ngô Văn P trình bày:*Nguồn gốc đất là của ông Phan Thành S (chết năm 2000), bà Nguyễn Thị B (chết năm 2008) khai phá và được chế độ củ cấp quyền sở hữu. Năm 1977, do gia đình gặp nhiều khó khăn nên chuyển nhượng cho bà Hà Thị M 05 công tầm lớn, đôi bên có làm giấy tay do bà M giữ.Năm 1990 ông được cha mẹ vợ cho phần đất ngang khoảng 17m, dài hơn 30m và vợ chồng ông đã cất nhà ổn định cho đến nay không tranh chấp với ai. Nay nguyên đơn yêu cầu trả đất ông không đồng ý.

Bà Ngô Thị H4 trình bày: Bà được mẹ là bà Phan Thị H3 cho phần đất cất nhà có diện tích ngang 4m, dài 13m, toạ lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, việc tặng cho chỉ nói miệng không có giấy tờ và bà đã cất nhà ở ổn định từ năm 2001 đến nay. Nay các nguyên đơn yêu cầu trả lại đất bà không đồng ý.

Chị Ngô Thị T2 trình bày: Chị được mẹ là bà Phan Thị H3 cho phần đất diện tích ngang 4m, dài 13m toạ lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Việc tặng cho chỉ nói miệng không có giấy tờ và chị đã cất nhà ở ổn định từ năm 1998 đến nay. Nay các nguyên đơn yêu cầu trả lại đất chị không đồng ý.

Ông Trần Quốc V trình bày: Năm 2010, ông có chuyển nhượng của ông Phan Văn L phần đất có diện tích ngang 6m, dài 20m tọa lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, với giá 120.000.000đ. Việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, có chứng kiến của chính quyền địa phương. Nay phía nguyên đơn yêu cầu ông L trả đất có luôn phần đất của ông thì ông không đồng ý.

Chị Trần Mỹ Y trình bày: Vào ngày 13/12/2017, chị nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn L phần đất diện tích 200m^2 , chiều ngang 10m, dài 20m, toạ lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, với giá 300.000.000đ. Việc chuyển nhượng

chỉ làm giấy tay có xác nhận của ban nhân dân khóm 4, phường 6, thành phố C. Nay phía nguyên đơn yêu cầu ông L trả đất có luôn phần đất của chị mua của ông L chị không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:136/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dânthành phố Cà Mau quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Tô Minh T1, Tô Minh C1, Tô Lệ H1, Tô Lệ H2 đối với ông Phan Văn L phần diện tích đất 6.734m^2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Buộc ông Phan Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho các nguyên đơn ông Tô Minh T1, Tô Minh C1, Tô Lệ H1, Tô Lệ H2 phần giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 3.626m^2 với số tiền là 10.676.218.244 đồng.

Giữ nguyên hiện trạng phần diện tích đất ông Phan Văn L đang quản lý, sử dụng theo đo đạc thực tế 3.626m^2 tọa lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau (theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 13/01/2020, bút lục số 125). Ông Phan Văn L được quyền hưởng dụng, sử dụng phần diện tích này theo quy định của pháp luật và được quyền đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (nếu phần diện tích đất trên không còn nằm trong quy hoạch của sân bay C).

3. Buộc ông Phan Văn L hoàn trả các khoản tiền chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ và định giá cho các nguyên đơn ông Tô Minh T1, Tô Minh C1, Tô Lệ H1, Tô Lệ H2 tổng số tiền 51.088.000đ (trong đó tiền đo đạc thẩm định 11.088.000đ, tiền định giá 40.000.000đ)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/9/2020,ông Phan Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông Ngô Đình C2 tranh luận: Mẹ của nguyên đơn nhận chuyển nhượng toàn bộ phần đất của cha mẹ bị đơn là 1,3ha nên phía bị đơn đã giao toàn bộ giấy tờ liên quan đến phần đất. Việc nguyên đơn để cho gia đình bị đơn cất nhà trên phần đất tranh chấp là do tình làng nghĩa xóm. Nay nguyên đơn yêu cầu giữ y như án sơ thẩm.

Bà H3 tranh luận: Bà là con gái của ông Sơn bà Bảy, bà được cha mẹ cho phần đất ngang 17m, dài hơn 30m và bà đã cất nhà và ở ổn định từ năm 1990. Bà có sửa nhà nhiều lần nhưng không thấy ai nói gì. Nay nguyên đơn yêu cầu trả đất bà không đồng ý.

Ông L, ông V, ông P, bà H4 không tham gia tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự,chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn L, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn giao phần đất do mẹ của nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng của ông Phan Thanh S và bà Nguyễn Thị B diện tích 1,3ha. Gia đình nguyên đơn đã nhận đất nhưng sau đó gia đình bị đơn chiếm lại phần mặt tiền, nguyên đơn chỉ nhận 05 công nên yêu cầu giao tiếp số đất còn lại theo đo đạc thực tế là 3.626 m^2.

Ông Phan Văn L thừa nhận trước đây cha mẹ ông có chuyển nhượng cho bà Hà Thị Mỹ phần đất ruộng diện tích 05 công tầm lớn và đã giao đất đầy đủ, không chuyển nhượng 1,3ha như nguyên đơn yêu cầu.Qua đo đạc thực tế phần đất bị đơn đang quản lý có diện tích 3.626m^2 nên án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, buộc ông Phan Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho các nguyên đơn ông Tô Minh T1, Tô Minh C1,Tô Lệ H1,Tô Lệ H2 phần giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 3.626m^2 với số tiền là 10.676.218.244 đồng. Không đồng ý với án sơ thẩm nên ông L có đơn kháng cáo.

[2]Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 các đồng nguyên đơn yêu cầu ông Phan Văn L hoàn trả phần diện tích đất 10.360m^2, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu phía bị đơn hoàn trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 3.626m^2 . Xét thấy đây là trường hợp thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cấp sơ thẩm xác định là đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện và đình chỉ xét xử của các nguyên đơn ông Tô Minh T1, Tô Minh C1, Tô Lệ H1, Tô Lệ H2 đối với ông Phan Văn L phần diện tích đất 6.734m^2 là không phù hợp nên sửa án sơ thẩm phần này.

[3]Xét kháng cáo của ông Phan Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bản trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp thể hiện diện tích là 3.626m^2, trên đất có 05 căn nhà của ông L, bà H3 và các con bà H3 đang quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn và bị đơn khai thống nhất nhau nội dung năm 1976 bà Hà Thị M có nhận chuyển nhượng phần đất trồng lúa của ông Phan Thanh S (Phan Thành S), bà Nguyễn Thị B, tọa lạc tại xã Tân Xuyên, Quận Quảng Long, tỉnh An Xuyên (nay là khóm 4, phường 6, thành phố C), khi chuyển nhượng có làm giấy tay có chữ ký của các bên và người chứng kiến. Các đương sự khai không thống nhất nhau về diện tích chuyển nhượng. Nguyên đơn cho rằng nhận chuyển nhượng với diện tích 1,3ha, sau khi chuyển nhượng ông S, bà B đã giao toàn bộ chứng thư cấp quyền sở hữu của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Bị đơn cho rằng chỉ chuyển nhượng 05 công tầm lớn và đã giao đủ phần đất 05 công đất. Việc gia đình bị đơn cho mượn giấy chứng thư để bà Mỹ giải quyết tranh chấp đất với ông Độ. Ông L xác

định không có việc giao toàn bộ phần đất, gia đình ông quản lý sử dụng đất từ trước đến nay, năm 1976 có cho chị bà con của ông L mượn cất nhà ở và quản lý phần đất đến năm 1990, gia đình ông cất nhà ở đến nay.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện.Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ làm giấy tay nhưng giấy tay đã thất lạc nên không cung cấp cho tòa án. Ngoài ra không có chứng cứ gì thể hiện có việc chuyển nhượng 1,3ha. Án sơ thẩm căn cứ vào biên bản giải quyết tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân phường 6 giải quyết giao đất cho bà Mỹ canh tác, đồng thời ủy ban cho ông Sơn thời gian khiếu nại là 15 ngày. Án sơ thẩm nhận định do phía ông Sơn không có ý kiến và khiếu nại gì đối với biên bản giải quyết tranh chấp đất đai, điều này đồng nghĩa rằng ông S, bà B đã mặc nhiên thừa nhận có bán cho bà Mỹ 1,3ha, cấp sơ thẩm nhận định và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là chưa phù hợp. Bởi biên bản ngày 07/8/1991 của Ủy ban nhân dân phường 6 về việc giải quyết tranh chấp đất đai không phải là quyết định có hiệu lực pháp luật thi hành. Hơn nữa,tại biên bản có thể hiện là ông S chuyển nhượng toàn bộ phần đất là 1,3hacho bà M nhưng thực tế gia đình ông S chỉ khai phá và sử dụng, quản lý phần đất 8 công. Trong biên bản không thể hiện chữ ký của ông S bà B hay ông L và biên bản cũng thể hiện phía bị đơn không thống nhất với cách giải quyết của Ủy ban nhân dân phường 6 nên đã không ký tên và bỏ về. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xác định sau khi ủy ban giải quyết ông có đi khiếu nại nhưng không được ủy ban trả lời.

Hơn nữa, khi ủy ban giải quyết thì trên đất có nhà của gia đình ông Sơn bà Bảy, sau khi Ủy ban giải quyết thì ông S bà B vẫn ở và quản lý phần đất đến nay, phía bà Mỹ cũng không có ý kiến hay yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để buộc bị đơn giao đất. Năm 1995, bà B đi đăng ký kê khai vào sổ mục kê địa chính đối với phần diện tích đất còn lại tại tờ bản đồ số 04 gồm hai thửa, thửa số 72, diện tích 933m^2 và thửa số 73 diện tích 3.063m^2 bà M cũng không có ý kiến. Bà M cũng đăng ký kê khai diện tích đất của bà M đã chuyển nhượng của ông Sơn, bà Bảy nhưng không đăng ký kê khai phần đất tranh chấp hiện nay. Điều này cho thấy bà M mặc nhiên thừa nhận phần đất tranh chấp là của gia đình bà B ông S.

Sau khi bà B, ông S, bà M qua đời. Các con của bà M ở gần phần đất tranh chấp nhưng vẫn không có ý kiến về việc ông L, bà H3 và các con bà H3 quản lý phần đất, cất nhà ở kiên cố và việc ông L chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông V, chị Y.

[5] Từ những phân tích trên, án sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là của gia đình bà M là không phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

[6]Do sửa án sơ thẩm nên chi phí đo đạc, án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật, cụ thể: Chi phí đo đạc tại cấp sơ thẩm các nguyên đơn phải chịu là số tiền 51.088.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông L không phải chịu, ông L có dự nộp được nhận lại.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:136/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020của Tòa án nhân dânthành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Minh T1, Tô Minh C1, Tô Lệ H1, Tô Lệ H2về việc yêu cầu ông Phan Văn L giao trả phần đất diện tích 3.626m^2 tọa lạc tại khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá trong giai đoạn sơ thẩm các đồng nguyên đơn làông Tô Minh T1, Tô Minh C1, Tô Lệ H1, Tô Lệ H2phải chịu tổng số tiền 51.088.000đ (trong đó tiền đo đạc thẩm định 11.088.000đ, tiền định giá 40.000.000đ), nguyên đơn đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Tô Minh T1, Tô Minh C1, Tô Lệ H1, Tô Lệ H2 phải chịu 118.676.000đ. Ngày 30/8/2019, ông T1, ông C1, bà H1, bà H2 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.180.000đ, tại lai số 0000687 được chuyển thu án phí. Ông T1, ông C1, bà H1, bà H2 còn phải nộp tiếp số tiền 113.496.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phan Văn L không phải chịu, ngày 24/9/2020, ông L có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (lai thu số 0002410) tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào